

Số: /2026/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
21-7-2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 257/2025/QH15 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035;

Căn cứ Nghị định số 358/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 60/2026/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: từ năm 2026-2030 quy định.

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS ngày tháng năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ 01 dự án, định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ tối đa cho 01 dự án phát triển sản xuất; định mức hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

Thực hiện theo quy định tại Điều 23, Điều 24 và Điều 25 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền phê duyệt thực hiện dự án

1. Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Hỗ trợ tối đa 80% tổng chi phí thực hiện 01 dự án. Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện 01 dự án tối đa 5.000 triệu đồng/01 dự án.

2. Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng: Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện 01 dự án tối đa 1.500 triệu đồng/01 dự án.

3. Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện 01 dự án tối đa 3.000 triệu đồng/01 dự án.

Điều 4. Định mức ngân sách nhà nước hỗ trợ các đối tượng tham gia dự án phát triển sản xuất

1. Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng/hộ nghèo, hộ cận nghèo.

2. Hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/hộ mới thoát nghèo.

3. Hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng cho 01 đối tượng người dân, hộ gia đình đang chịu thiệt hại nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường hoặc hỗ trợ các nhóm đối tượng yếu thế khi tham gia dự án phát triển sản xuất theo nhiệm vụ.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương và từ nguồn ngân sách địa phương đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026-2035, giai đoạn I: Từ năm 2026 đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Huy động, sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu trong Nghị quyết này được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì thực hiện theo văn bản đã thay thế, sửa đổi, bổ sung đó.

3. Các quy định về nội dung hỗ trợ, định mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ; trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất được quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk và tại các Điều của các Nghị quyết do HĐND tỉnh Phú Yên ban hành, cụ thể: Điều 3 Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023; Điều 2, Điều 3 Nghị quyết số 16/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023; Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023; Điều 1 Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 26/4/2025 được tiếp tục áp dụng đến hết thời gian thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 (bao gồm thời gian được kéo dài theo quy định tại các Nghị quyết của Quốc hội).

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khoá XI, Kỳ họp thứ..... thông qua ngày.....tháng.....năm 2026./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành PL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy HĐND tỉnh; ;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND tỉnh; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND.

CHỦ TỊCH